

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+PVD8+CTK3	7:25	14+1+3	0+0+0		13+0+6	0+0+0	
2		CLI	7:25	12	0		1	0	
3		RP2+RC4+RC5+RP1	8:25	12+1+3+0	0+0+0+0		0+0+0+2	0+0+0+0	chuyen 1 RC5- Rp1
4		P3+HSD	9:25	15+3	0+0		0+17	0+0	
5		SAVR+P8+CLI	11:00	11+8+0	0+0+0		6+0+13	0+0+0	

TTBBSX

1/ Di về trong ngày SAVR-4ng, CLI-12ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:SAVR - PVD8 - CTK3	CREW: LТУÁN - HUNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1135	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	RUSTEM IAKHIN	SAVR	56	1	2			83	D-HANH	Russian
2	NGUYEN NHU Y	SAVR	58	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HIEU	SAVR	67	1	15			84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN CONG TRINH	SAVR						70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE ĐANG MINH ĐỨC	SAVR						90	KH-THAC	Vietnamese
6	LE MẠNH HUNG	SAVR				1	5	70	ANTOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN GIANG	SAVR	70	1	5	4	50	72	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG SON	SAVR	65	1	8			72	DVL	Vietnamese
9	TRẦN BA ĐỨC	SAVR	66	1	13			93	DVL	Vietnamese
10	ĐỖ TIẾN MẠNH	SAVR	63-64	2	19			82	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HUY QUANG	SAVR	59	1	12			74	DMC-MI	Vietnamese
12	TRINH VAN KIEN	SAVR	60	1	7			63	DMC-MI	Vietnamese
13	ED RYAN RONQUILLO MONTEMAYO	SAVR	61-62	2	23			88	DMC-MI	Philippines
14	PHẠM TRẦN ANH TUẤN	SAVR	57	1	8			78	MINH MINH	Vietnamese
15	ĐỖ ĐỨC THIÊN	SAVR	68-69	2	10			66	MINH MINH	Vietnamese
16	MAI ANH TUẤN	PVD8	73	1	15	1	11	74	KHOAN	Vietnamese
17	BOGDANOV E.	CTK3	89	1	4			80	KH-THAC	Russian
18	HOANG NGOC HOA	CTK3	88	1	6			62	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MAI SON	CTK3	90	1	7			77	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	15	1.156	15	128	5	55	13		
2	PVD8	1	74	1	15	1	11	1		
3	CTK3	3	219	3	17	0	0	6		
TOTAL		19	1.449	19	160	6	66	20		
WEIGHT KG			1.449		160		66			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

LÊ QUÝ HUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: CLI	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 08:45
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1132	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	SYDOROV I.N.	CLI						89	D-HANH	Russian
2	LE VIỆT DŨNG	CLI						60	D-HANH	Vietnamese
3	YAKOVENKO E. V.	CLI	62	1	3			89	D-HANH	Russian
4	BOVT A.V.	CLI	61	1	3			94	D-HANH	Russian
5	NGUYỄN THẮNG	CLI						70	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN KHANH	CLI	65	1	8			72	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI						75	KH-THAC	Vietnamese
8	POPOV A.A.	CLI	60	1	3			75	KH-THAC	Russian
9	ROMANOV S.V.	CLI	59	1	3			107	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN HẰNG HAI	CLI						90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM KHÁNH	CLI	64	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
12	KHOROSHENKOV A.A.	CLI	63	1	3			75	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLI	12	986	7	33	0	0	1		
TOTAL		12	986	7	33	0	0	1		
WEIGHT KG			986		33		0			

GRAND TOAL: 1.019 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: RP2 - RC4 - RC5 - RP1	CREW: LTUẤN - HÙNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1136	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN XUÂN THĂNG	RP2	07	1	11	2	40	63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SỸ	RP2	65-66	2	12			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	KHUÔNG VĂN DUẬN	RP2	04-05	2	16			85	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	RP2	57-58	2	13			77	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	LÔ VĂN THƯƠNG	RP2	06	1	11			82	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠO	RP2	3000	1	13			57	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VAN	RP2	67	1	8			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	TRẦN THANH LÂM	RP2	03	1	17			57	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	HOÀNG BA PHƯƠNG	RP2	64	1	15			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	RP2	02	1	15			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	59	1	12	1	13	79	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH HẢI	RP2	61	1	5	2	34	59	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	RC4	13	1	14	4	51	73	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN TUẤN ANH	RC5	26	1	10	1	31	72	CODIEN	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG	RC5	24	1	7			57	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC ĐẠI	RC5	25	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	12	817	15	148	5	87	0		chuyen 1 pax RP2 - RC5
2	RC4	1	73	1	14	4	51	0		
3	RC5	3	207	3	29	1	31	0		CHUYEN 1 PAX RC5-RP1
4	RP1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		16	1.097	19	191	10	169	2		
WEIGHT KG			1.097		191		169			

GRAND TOAL: 1.457 KGS

VSP REP.

 NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

 VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

 LƯƠNG MẠNH TUẤN
 LÊ QUÝ HUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:15
B.CARD: XANH-2	TO: P3 - HSD	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 11:05
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1133	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN LÂM	P3	88-89	2	15			68	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ HỮU TUÔNG	P3	91	1	4			63	CODIEN	Vietnamese
3	HÌNH NGỌC GIANG	P3	73-74	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH THÂN	P3	01-02	2	13	1	12	68	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MINH HOÀNG	P3	99	1	13	3	45	69	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN THIÊN	P3	500	1	14			62	XAYLAP	Vietnamese
7	VÕ VĂN HOÀI	P3	66	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG HUY CẬN	P3	92	1	16			63	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN MINH	P3	71-72	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P3	97-98	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P3	67-68	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	P3	69-70	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ TUẤN ANH	P3	93-94	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TIÊN	P3	95-96	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM DUY PHƯƠNG	P3	90	1	10			47	TRƯỜNG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	15	970	24	230	4	57	0		
2	HSD	0	0	0	0	0	0	17		
TOTAL		15	970	24	230	4	57	17		
WEIGHT KG			970		230		57			

GRAND TOAL: 1.257 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
B.CARD: XANH-3	TO:SAVR- P8 - CLI	CREW: DƯƠNG - SON - TOAN	ETA: 13:25
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1134	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO NGỌC HẢI	SAVR	87	1	11			73	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	SAVR	86	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI THANH LY	SAVR	84-85	2	18	2	10	68	XAYLAP	Vietnamese
4	VUONG HUY HOAN	SAVR	93-94	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NGHỊ	SAVR	91-92	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN TÂN	SAVR	81	1	12			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH LONG	SAVR	90	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀ XUÂN BÌNH	SAVR	76-77	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN BÌNH	SAVR	79-80	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN ĐÌNH DŨNG	SAVR	82	1	8			62	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ NGỌC HẢI	SAVR	88-89	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HIỆP	P8	73	1	8			68	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	P8	98	1	13			72	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN HỮU TRI	P8	96-97	2	19	5	70	83	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P8	04-05	2	14			85	CODIEN	Vietnamese
16	PHÙNG BA ĐỀ	P8	93-95	3	19			72	CODIEN	Vietnamese
17	CAO XUÂN DŨNG	P8	76-77	2	18			72	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN HOAN	P8	99,51	2	11			60	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM HOANG	P8	74-75	2	8			62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	11	737	17	165	2	10	6		
2	P8	8	574	15	110	5	70	0		
3	CLI	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		19	1.311	32	275	7	80	19		
WEIGHT KG			1.311		275		80			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BUI HOANG DUONG

PHẠM THÁI SƠN